

Bài 21

**PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP
CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỶ XIX**

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Cần nắm được :

- Hoàn cảnh nổ ra phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp cuối thế kỷ XIX, trong đó có các cuộc khởi nghĩa Cần vương và khởi nghĩa tự vệ (tự phát) của nông dân.

- Các khái niệm "cần vương", "văn thân", "sĩ phu".
- Nội dung, diễn biến cơ bản của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu : Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê, Yên Thế.

2. Về kĩ năng

Củng cố kĩ năng phân tích, nhận xét, rút ra bài học lịch sử, kĩ năng sử dụng kiến thức bổ trợ để nắm nội dung bài học.

3. Về thái độ

Được giáo dục tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc, bước đầu nhận thức được những yêu cầu mới cần phải có để đưa cuộc đấu tranh chống ngoại xâm đến thắng lợi.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

Bài này giới thiệu toàn bộ diễn biến cơ bản của phong trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỷ XIX, trong đó có hai loại hình : phong trào Cần vương và các cuộc đấu tranh tự vệ, tự phát.

Hai loại hình này tồn tại song song nhưng ít có sự liên hệ hay chi phối lẫn nhau. Điều này cho thấy cuối thế kỷ XIX, hệ tư tưởng phong kiến đã phai nhạt, không còn đóng vai trò độc tôn như trước kia.

Phong trào Cần vương diễn ra trên một địa bàn rộng lớn, trong SGK chỉ giới thiệu một số cuộc khởi nghĩa, tiêu biểu.

Trong bài cũng chỉ giới thiệu diễn biến chính cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

Cần khẳng định rằng, dù là các phong trào mang danh nghĩa Cần vương, hay tự vệ, tất cả đều phản ánh tính chất yêu nước chống Pháp nổi bật và có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Lược đồ Kinh thành Huế.
- Lược đồ những địa điểm diễn ra các khởi nghĩa trong phong trào Cần vương.
- Các lược đồ : địa bàn hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy, căn cứ Ba Đình, khởi nghĩa Hương Khê, khởi nghĩa Yên Thế.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài mới

Trong những năm cuối thế kỉ XIX, phong trào yêu nước chống Pháp đã diễn ra sôi nổi, rộng khắp, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Đó là những cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới danh nghĩa Càn vương và những cuộc đấu tranh tự vệ của nông dân và nhân dân các dân tộc thiểu số ở miền núi.

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Phong trào Càn vương bùng nổ

1. Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế và sự bùng nổ phong trào Càn vương

Có thể chia mục này thành 2 ý : Nguyên nhân và diễn biến cuộc phản công quân Pháp ở Kinh thành Huế năm 1885.

Trước khi giảng về hai nội dung cơ bản đó, GV dựa vào một số sự kiện ở bài trước, đặt câu hỏi để HS nhận xét về tình hình nước ta sau hai hiệp ước 1883 và 1884 (thực dân Pháp cơ bản đã khuất phục được triều đình Huế, áp đặt nền thống trị trên toàn bộ đất nước Việt Nam ; song một bộ phận quan lại, văn thân, sĩ phu yêu nước và đông đảo nhân dân cả nước phản đối mạnh mẽ...).

– Về nguyên nhân, GV cần phân tích cho HS thấy được âm mưu của Pháp trong việc tiêu diệt phe chủ chiến trong triều đình do Tôn Thất Thuyết đứng đầu (để dễ dàng điều khiển phong kiến tay sai, thiết lập nền bảo hộ của Pháp ở nước ta...).

Phe chủ chiến trong triều đình lúc đó ra sức chuẩn bị gây dựng lực lượng tại các căn cứ (sơn phòng) để đề phòng bất trắc.

Biết được âm mưu của Pháp, Tôn Thất Thuyết quyết định ra tay trước. Đó là nguyên nhân dẫn tới cuộc phản công quân Pháp ở Kinh thành Huế vào đêm mồng 4 rạng sáng 5-7-1885.

– Về diễn biến cuộc phản công, GV diễn giải các sự kiện có liên quan đến cuộc phản công quân Pháp của Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến, khẳng định tính chất chính nghĩa của hành động trên. GV cần phân tích rõ : Mặc dù lực lượng không đông, nhưng dựa vào sự ủng hộ của đông đảo nhân dân và các sĩ phu, văn thân tại các địa phương, phái chủ chiến vẫn vững vàng, tin tưởng và quyết tâm chiến đấu đến cùng.

– Trình bày ngắn gọn kế hoạch của Tôn Thất Thuyết và diễn biến cuộc phản công đêm mồng 4 rạng sáng 5-7-1885 (chia làm hai cánh quân đánh vào đồn Mang Cá và toà Khâm sứ). Có thể cho HS trao đổi nhóm về nguyên nhân cuộc phản công bị thất bại :

- + Chuẩn bị chưa chu đáo.
- + Quân Pháp đã có ý thức đề phòng, lực lượng của chúng còn mạnh.
- + Giả sử có tiêu diệt lực lượng quân Pháp ở Huế thì cũng không thể đánh bại được thực dân Pháp.

– Sau khi cuộc phản công bị thất bại, Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi chạy ra khỏi kinh thành về Tân Sở. Tới Tân Sở, Tôn Thất Thuyết đã lấy danh nghĩa Hàm Nghi ban chiếu Cần vương (13-7-1885) (giải thích khái niệm "Cần vương").

GV kết luận : Chiếu Cần vương kêu gọi sĩ phu, văn thân và toàn thể nhân dân đứng dậy, với mục tiêu : đánh Pháp, khôi phục nền độc lập dân tộc, lập lại chế độ phong kiến có vua hiền, tôi giỏi. Chiếu Cần vương có tác dụng thổi bùng ngọn lửa yêu nước trong nhân dân, tạo thành phong trào Cần vương sôi nổi, kéo dài đến cuối thế kỷ XIX.

2. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương

GV hướng dẫn HS tìm hiểu các ý trong SGK và nêu nội dung 2 giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương ; đặc điểm của mỗi giai đoạn.

GV cho HS quan sát lược đồ (hình 60) và đặt câu hỏi để HS nhận xét về địa bàn nổ ra các cuộc khởi nghĩa Cần vương (phong trào nổ ra suốt từ Bắc Kì vào Trung Kì – khu vực mà triều đình nhà Nguyễn còn có những ảnh hưởng nhất định, trừ Nam Kì là nơi quân Pháp chiếm được từ lâu).

GV kể tên một số cuộc khởi nghĩa ở các vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, đồng bằng Bắc Kì, vùng Tây Bắc, Đông Bắc Việt Nam... và các thủ lĩnh tiêu biểu như Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích, Đề Kiều, Đốc Ngữ...

– GV gợi ý cho HS giải thích tại sao ở giai đoạn 1 (1885 – 1888), phong trào lại diễn ra rầm rộ, sôi nổi như vậy. Ngoài ra, cũng có thể cho HS tìm hiểu một vài chi tiết khác như :

+ Lãnh đạo phong trào.

+ Lực lượng tham gia.

+ Địa bàn hoạt động.

+ Kết quả, ý nghĩa của phong trào : nhất thời gây cho địch thiệt hại, nhưng sau đó, thực dân Pháp đã phối hợp với tay sai mở cuộc đàn áp các cuộc khởi nghĩa thất bại, các lãnh tụ bị bắt hoặc hi sinh, một số sang Trung Quốc cầu viện (Tôn Thất Thuyết).

+ Tháng 11-1888, Hàm Nghi rơi vào tay Pháp, nhưng phong trào vẫn tiếp tục được duy trì.

- Giai đoạn 2 (từ năm 1888 đến năm 1896), GV cho HS đọc SGK, chỉ ra những đặc điểm mới của phong trào Cần vương giai đoạn 1888 – 1896 (so với giai đoạn 1).

+ Về thành phần lãnh đạo và lực lượng tham gia.

+ Về địa bàn : đã bị thu hẹp, một số trung tâm khởi nghĩa phải chuyển dần lên hoạt động ở vùng trung du và miền núi, lợi dụng địa hình, địa vật để tiếp tục hoạt động.

+ Diễn biến : điểm lại giai đoạn cuối của các cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê.

- Cuối cùng, GV đặt câu hỏi : Qua 2 giai đoạn của phong trào Cần vương, chúng ta có nhận xét gì ? Tại sao sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (1888), phong trào vẫn tiếp tục được duy trì ? Qua đó nói lên điều gì ? (Cần vương chỉ là danh nghĩa, tính chất yêu nước chống Pháp là chủ yếu).

Mục II – Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và phong trào đấu tranh tự vệ cuối thế kỷ XIX

Ba cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê tiêu biểu cho phong trào Cần vương, khởi nghĩa Yên Thế tiêu biểu cho phong trào đấu tranh tự vệ.

1. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)

- GV dùng lược đồ, giới thiệu về khởi nghĩa Bãi Sậy, chú ý giải thích : gọi là khởi nghĩa Bãi Sậy vì Bãi Sậy là căn cứ chính, còn thực chất phong trào Bãi Sậy có địa bàn hoạt động rộng khắp các tỉnh : Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình, thậm chí sang cả Nam Định, Quảng Yên. Căn cứ Bãi Sậy nằm giữa vùng đồng bằng, có các tuyến giao thông thuỷ bộ đi qua. Ngoài Bãi Sậy, còn có

căn cứ Hai Sông ở Hải Dương. Với địa bàn như vậy, nghĩa quân có thể cơ động đánh địch, triệt để áp dụng chiến thuật du kích.

– Lãnh đạo : giới thiệu về Nguyễn Thiện Thuật (nhờ có uy tín, ông được nhân dân hưởng ứng đông đảo), bên cạnh đó có nhiều thủ lĩnh khác như Đốc Tít, Nguyễn Thiện Kế,...

– Tổ chức, trang bị : Nghĩa quân chia thành nhóm nhỏ (từ 20 đến 25 người), trà trộn vào dân (đóng vi quân, tĩnh vi quân). Vũ khí chủ yếu là tự tạo.

– Diễn biến : GV hướng dẫn HS tìm hiểu để biết được diễn biến cuộc khởi nghĩa (theo nội dung trong SGK).

+ Trong những năm 1885 – 1887, nghĩa quân tập trung tổ chức lực lượng, xây dựng căn cứ, bẻ gãy nhiều trận càn của địch.

+ Từ năm 1888, nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt. Năm 1889, quân Pháp và tay sai bao vây khu căn cứ chính.

GV đưa ra nhận xét và kết luận :

Đến năm 1889, sau những trận giao chiến quyết liệt, mặc dù lực lượng nghĩa quân bị tổn thất nhưng vẫn giành được những thắng lợi lớn, làm tiêu hao sinh lực địch, vận động được nhiều lính nguy trở về với nhân dân (nhấn mạnh chi tiết độc đáo này của cuộc khởi nghĩa). Do tình thế ngày một khó khăn. Tháng 7-1889, Nguyễn Thiện Thuật phải tìm đường lánh sang Trung Quốc. Phong trào tiếp tục một thời gian và đến năm 1892 thì tan rã hẳn.

– Kết quả, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa :

+ Tồn tại 9 năm (1883 – 1892), gây cho Pháp và tay sai nhiều thiệt hại.

+ Kế tục truyền thống yêu nước, bất khuất của ông cha ta, cổ vũ nhân dân đứng lên tiếp tục đấu tranh.

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm tác chiến ở vùng đồng bằng.

2. Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887)

– GV dùng lược đồ, giới thiệu về căn cứ Ba Đình, sau đó cho HS thảo luận nhóm, nêu nhận xét về những điểm mạnh, điểm yếu của căn cứ này.

Điểm mạnh :

+ Được xây dựng kiên cố, khó tiếp cận.

+ Vị trí thuận lợi cho việc kiểm soát các tuyến giao thông.

+ Sức sáng tạo to lớn của nghĩa quân trong lối đánh chiến tuyến. Có thể nêu ý kiến của người Pháp : "Bên trong Ba Đình khiến chúng tôi hết sức ngạc nhiên và chứng tỏ thành đã được xây dựng với một kĩ thuật cao. Đường công sự có thể đánh xiên cạnh sườn bất cứ chỗ nào, và mỗi làng trong ba làng đều có công sự bố trí khéo để nếu hai làng bị chiếm thì làng kia vẫn là một pháo đài chiến đấu".

Điểm yếu : dễ bị cô lập, dễ bị bao vây, không thể dùng chiến thuật, chỉ có thể áp dụng lối đánh chiến tuyến mà thôi.

- GV giới thiệu về một số nhân vật chủ chốt như Phạm Bành, Đinh Công Tráng...

Phạm Bành (1827 – 1887), người làng Tương Xá, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, thi đỗ Cử nhân năm 1864, từng làm Án sát ở Thanh Hoá, nổi tiếng thanh liêm. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, ông bỏ quan về quê tổ chức khởi nghĩa.

Đinh Công Tráng (1842 – 1887), quê ở làng Tràng Xá, huyện Thanh Liêm, Hà Nam, từng làm Chánh tổng ở Ninh Bình, từng theo Lưu Vĩnh Phúc chống Pháp, sau vào Thanh Hoá tham gia xây dựng và chỉ huy nghĩa quân Ba Đình.

- Về lực lượng : Nghĩa quân có khoảng 300 người, thuộc các dân tộc Kinh, Mường, Nùng, Thái, đặc biệt có nhiều phụ nữ tham gia. Vũ khí chủ yếu là giáo mác, cung nỏ và một vài khẩu thần công nhỏ.

- Về hoạt động của nghĩa quân, GV cho HS đọc đoạn nội dung trong SGK, mô tả những ngày khó khăn gian khổ nhất của nghĩa quân ; những trận chiến đấu anh dũng bảo vệ căn cứ.

- Về kết quả, ý nghĩa :

+ Cuộc khởi nghĩa đã bị dập tắt sau khi Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ Ba Đình, nhưng chúng cũng phải trả giá khá đắt.

Quân Pháp triệt hạ ba làng nhưng không thể xoá được những ảnh hưởng to lớn của cuộc khởi nghĩa.

+ Thể hiện truyền thống bất khuất chống giặc ngoại xâm ; cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta.

- GV có thể gợi ý để HS đưa ra nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm.

+ Nhận xét : Mặc dù nghĩa quân đã chiến đấu dũng cảm, nhưng khởi nghĩa đã thất bại do còn thiếu nhiều điều kiện để đánh thắng giặc : tổ chức chưa chu đáo, đường lối lãnh đạo chưa đúng đắn, tương quan lực lượng chênh lệch.

+ Bài học kinh nghiệm : Cần biết lợi dụng địa hình, địa vật, tránh thủ hiềm một nơi, thực hiện chiến tranh du kích, liên hệ với các cuộc khởi nghĩa khác, mở rộng thành cuộc kháng chiến toàn dân.

3. Khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896)

- Dựa vào lược đồ, GV giới thiệu địa bàn hoạt động của nghĩa quân Hương Khê, gồm 4 tỉnh (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình).

+ Căn cứ chính : vùng rừng núi hiềm trớ thuộc hai huyện Hương Khê và Hương Sơn, nơi có các con sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố chảy qua ; có thể sang Lào, ra Thanh Hoá hoặc vào Quảng Bình. Đại bản doanh đóng ở núi Vụ Quang.

+ Lực lượng tham gia : đông đảo nhân dân các dân tộc ở 4 tỉnh (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình).

- GV giới thiệu đôi nét về thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa như Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

Hai giai đoạn chính của cuộc khởi nghĩa :

- Từ năm 1885 đến năm 1888, là thời kì xây dựng lực lượng của nghĩa quân Hương Khê, hoạt động chủ yếu của nghĩa quân là :

+ Tập hợp, huấn luyện binh sĩ (15 quân thứ), lấy tên địa phương để đặt phiên hiệu cho mỗi quân thứ (Khê thứ, Bình thứ, Quảng thứ, Thanh thứ,... do các tướng lĩnh có uy tín chỉ huy).

+ Rèn đúc vũ khí (GV kể thêm : Trong một trận phục kích, nghĩa quân thu được 17 khẩu súng trường của Pháp và 600 viên đạn. Cao Thắng đã cùng với một số thợ rèn dày công nghiên cứu và chế tạo thành công loại súng trường này (500 khẩu) để trang bị cho nghĩa quân. Pháp phải công nhận súng do Cao Thắng chế tạo ra "giống hệt những khẩu súng của công binh xưởng nước ta (Pháp) chế tạo, chỉ khác ở hai điểm : lò xo yếu và nòng súng không được xẻ rãnh nên đạn đi không xa và không mạnh".

+ Đào đắp công sự ở Ngàn Trươi, Vụ Quang, hình thành hệ thống chiến luỹ liên hoàn.

+ Tích trữ lương thảo : huy động sự đóng góp của nhân dân rồi cất giấu trong rừng sâu.

- Từ năm 1888 đến năm 1896 là thời kì chiến đấu quyết liệt của nghĩa quân. GV yêu cầu một HS đọc đoạn viết trong SGK, rồi nêu nhận xét : Nghĩa

quân vừa đẩy lùi nhiều trận càn quét vừa chủ động tấn công địch, có nhiều trận đánh nổi tiếng. Tuy vậy, đến cuối năm 1893, lực lượng nghĩa quân đã bị hao mòn, rơi vào thế bị bao vây, cô lập. Trước tình thế đó, các vị thủ lĩnh nghĩa quân muốn đẩy mạnh hoạt động ở cả 4 tỉnh để xoay chuyển tình thế. Cao Thắng xin được đánh một trận lớn tấn công xuống đồng bằng, chiếm thành Nghệ An. Ông đã anh dũng hi sinh trong trận đánh đồn Nu (Thanh Chương).

Cao Thắng hi sinh, Phan Đình Phùng mất đi cánh tay phải, còn nghĩa quân mất một vị tướng chỉ huy dũng cảm, sáng tạo. Do vậy, tình thế của cuộc khởi nghĩa ngày càng khó khăn hơn. Tuy nhiên, nghĩa quân vẫn còn giành được một số thắng lợi vang dội, đặc biệt là trận Vụ Quang (17-10-1894). Chủ tướng Phan Đình Phùng hi sinh ngày 28-12-1895, thọ 49 tuổi.

Lực lượng nghĩa quân còn lại ở miền Tây Nghệ An tiếp tục chiến đấu một thời gian nữa mới tan rã.

- GV cho HS thảo luận về tính tiêu biểu của khởi nghĩa Hương Khê trong phong trào Cần vương :

- + Về quy mô, trình độ tổ chức, địa bàn hoạt động, lực lượng tham gia...
- + Thời gian tồn tại
- + Khởi nghĩa Hương Khê thất bại cũng là mốc đánh dấu sự kết thúc của phong trào đấu tranh chống Pháp dưới ngọn cờ Cần vương...

4. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913)

Khi chuyển sang mục này, GV cần nói rõ : Song song với các cuộc khởi nghĩa dưới ngọn cờ Cần vương, vào cuối thế kỷ XIX ở nước ta còn bùng nổ một loạt cuộc đấu tranh mang tính chất tự vệ (tự phát) của nông dân. Tiêu biểu cho loại hình khởi nghĩa này là khởi nghĩa nông dân Yên Thế.

Vậy điểm khác nhau căn bản giữa phong trào Cần vương và những cuộc đấu tranh tự vệ là gì ? (cho HS đọc trong SGK và phát biểu ý kiến. GV nhận xét, đưa ra kết luận).

GV dùng lược đồ, giới thiệu về khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1884 – 1913) theo các nội dung :

- Nguyên nhân bùng nổ
- Lãnh đạo
- Trung tâm khởi nghĩa.

Về diễn biến khởi nghĩa Yên Thế được chia làm 4 giai đoạn nhỏ :

Giai đoạn 1 : Từ năm 1884 đến năm 1892

Giai đoạn 2 : Từ năm 1893 đến năm 1897

Giai đoạn 3 : Từ năm 1898 đến năm 1908

Giai đoạn 4 : Từ năm 1909 đến năm 1913.

– Trong giai đoạn đầu (1884 – 1892), các toán nghĩa quân hoạt động riêng lẻ, nhưng đã đẩy lui nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Thủ lĩnh có uy tín nhất ở thời kì này là Đề Năm.

– Giai đoạn từ năm 1893 đến năm 1908, là thời gian hoà hoãn giữa nghĩa quân và quân Pháp. GV phân tích tình huống dẫn đến cuộc giang hoà lần thứ nhất, (1893 – 1897), chủ trương của Đề Thám ; âm mưu của Pháp và tình huống dẫn đến cuộc hoà hoãn lần thứ hai (1898 – 1908) ; ý nghĩa các hoạt động của nghĩa quân Yên Thế trong khoảng thời gian đó.

Phần cuối của bài, GV có thể cho HS sưu tầm tranh ảnh, chuyện kể về các nhân vật trong khởi nghĩa Yên Thế qua các tài liệu tham khảo.

3. Sơ kết bài học

– Phong trào Cần vương bùng nổ từ tháng 7-1885 và nhanh chóng lan rộng khắp các tỉnh từ Nam Trung Kì ra Bắc. Trong suốt hơn 10 năm liên tục, các sĩ phu, văn nhân đã duy trì cuộc chiến đấu với mục tiêu đánh Pháp, khôi phục một triều đại phong kiến độc lập, được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng.

– Song song với các cuộc khởi nghĩa Cần vương, còn có các cuộc nổi dậy của nông dân và đồng bào các dân tộc thiểu số (còn gọi là phong trào đấu tranh tự vệ), tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

– Mặc dù thất bại, phong trào Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế vẫn có vị trí hết sức to lớn trong sự nghiệp đấu tranh chống đế quốc, vì nền độc lập, tự do của đất nước, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Có thể lập bảng so sánh để thấy được nghĩa quân Bãi Sậy hoạt động trên địa bàn rộng hơn nghĩa quân Ba Đình, không cố thủ ở một nơi ; sử dụng

chiến thuật du kích, chia thành nhóm nhỏ, cơ động linh hoạt ; bên cạnh hoạt động đánh địch, còn tiến hành binh vận, chống càn, đánh phá các tuyến đường giao thông, đánh đồn...

Câu 2.

- Ở cột 2 chỉ ghi người lãnh đạo chính ; cột 3 ghi những hoạt động chính, có thể ghi các giai đoạn, các sự kiện tạo ra bước ngoặt của phong trào.
- Ở cột ghi ý nghĩa, bài học kinh nghiệm cần nhấn mạnh các ý như : tác động của cuộc khởi nghĩa đối với tình hình lúc đó và với giai đoạn lịch sử sau này, các bài học lịch sử của từng cuộc khởi nghĩa.

Câu 3.

- Gợi ý HS đưa ra ý kiến của mình về nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa, về người lãnh đạo, về hoạt động và phương thức đấu tranh của nghĩa quân (có giai đoạn hoà hoãn, có giai đoạn tác chiến)... khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương.

- Nêu gợi ý về sức mạnh to lớn của nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc nếu được tổ chức và có sự lãnh đạo đúng đắn.

Ngoài những câu hỏi trong bài, GV cần đặt câu hỏi để củng cố kiến thức.

- Về phong trào Cần vương : Qua diễn biến các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương, có thể rút ra những đặc điểm chung :

- + Mục tiêu của phong trào (chống đế quốc và phong kiến đầu hàng).
- + Tính chất nổi bật (yêu nước, chống xâm lược trên lập trường phong kiến).
- + Nguyên nhân thất bại (chủ quan, khách quan), chưa chú trọng chuẩn bị cơ sở vật chất để kháng chiến lâu dài, chưa biết phát động kháng chiến *toàn dân, toàn diện*, nhiều khi mới chỉ lấy cái "tôi", cái anh hùng để đối chọi với giặc, do đó đã không thể làm nên thắng lợi.
- + Ý nghĩa : nêu cao ý chí quyết cường của dân tộc.

Cần phân tích cho HS thấy rõ cuối thế kỷ XIX, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã rơi vào thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

- Đối với phong trào đấu tranh tự vệ : GV nêu gương tinh thần quả cảm của nông dân và nhân dân các dân tộc thiểu số. Nhưng trong bối cảnh chung lúc đó, khi chưa có một giai cấp tiên tiến lãnh đạo, thì không thể khắc phục được những nhược điểm cố hữu của phong trào và sự thất bại của nghĩa quân là điều dễ hiểu.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chiếu Cần vương

... Nước ta gần đây ngẫu nhiên gặp nhiều việc. Trẫm⁽¹⁾ tuổi trẻ nỗi ngôi, không lúc nào không nghĩ tới tự cường tự trị. Kẻ phái của Tây ngang bức ; hiện tình mỗi ngày một quá thêm. Hôm trước, chúng tăng thêm binh thuyền đến, buộc theo những điều minh không thể nào làm được, ta chiếu lê thường tiếp đãi ân cần, chúng không chịu nhận một thứ gì. Người Kinh đô⁽²⁾ nào sợ nguy ngay trong chốc lát. Kẻ đại thần⁽³⁾ mưu quốc, chỉ lo nghĩ đến kế yên xă tắc, trong triều đình đắn đo về hai điều ; cui đầu tuân mạng ngồi để mất cơ hội, sao bằng nhìn thấy chỗ âm mưu biến động của địch mà đối phó trước ? Vì bằng việc xảy ra không thể tránh, thì cũng còn có cái việc ngày nay để lo tốt cái lợi sau này, ấy là do thời thế xui nên vậy. Phàm những người đã được cùng dự chia mối lo này, tưởng cũng đã dư biết. Biết thì phải tham gia công việc, nghiên răng dựng tóc thề giết hết giặc, nào ai là không có cái lòng như thế ? Cũng há không có những người nào gối gươm đánh dầm, cướp giáo, lăn chum ư ?⁽⁴⁾ ... Trẫm đức mỏng, gặp biến cố này không thể hết sức giữ được, để thành bị hâm, xe giá⁽⁵⁾ phải dời xa, tội ở mình Trẫm cả, thật là xấu hổ vô cùng. Nhưng chỉ có luân thường⁽⁶⁾ quan hệ với nhau, bách quan khanh sĩ không kể lớn nhỏ, tất không bỏ Trẫm : kẻ trí hiến mưu, người dũng hiến sức, kẻ giàu có bỏ của giúp quân nhu, đồng bào đồng trách⁽⁷⁾ chẳng từ

(1) Vua tự xưng khi nói với các quan và dân.

(2) Chỉ Kinh thành Huế.

(3) Quan to trong triều.

(4) Trong sử Trung Quốc có Lưu Côn (đời Tấn) gối đầu lên ngọn giáo đợi trời sáng để chém đầu giặc ; Tô Địch (đời Tấn) qua sông gõ vào mái chèo thề không đánh tan giặc thì không trở lại ; Uất Tri Kính Đức (đời Đường) cướp giáo giặc ; Đào Khản (đời Tần) mỗi ngày lăn chum hai lần vào sáng và chiều tối để rèn luyện chí khí đánh giặc.

Ở nước ta có Trần Quang Khải (đời Trần) đánh thắng giặc Nguyên, có câu thơ : "Đoạt giáo Chương Dương độ" (cướp giáo giặc ở bên Chương Dương ; bên Chương Dương nằm ở bên hữu ngạn sông Hồng, gần phố Hàng Than, Hà Nội ngày nay).

(5) Bà Từ Dũ là mẹ vua Tự Đức, sau khi Kinh thành Huế bị Pháp chiếm (sáng mồng 5 – 7 – 1885) cũng theo vua Hàm Nghi ra Quảng Trị.

(6) Luân thường là phép tắc chính thường mà người ta nêu theo. Ngũ luân là năm mối quan hệ xã hội trước kia, gồm : vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn.

(7) Quân lính ở với nhau, mặc áo chung, ở chung nhà, ý nói : anh em thân thiết giúp đỡ nhau.

gian hiếm, như thế là phải ? Cứu nguy chống đổ, mở chõ truân chiên, giúp nỗi kiền bách, đều không tiếc gì tâm lực, ngõ hầu lòng người giúp thuận, chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành yên, thu lại bờ cõi. Ấy cái cơ hội này, phúc của tôn xã tức là phúc của thần dân, cùng lo với nhau thì cùng nghĩ với nhau, há chẳng tốt lắm ư ? Bằng cái tâm sợ chết nặng hơn lòng thương vua, nghĩ lo cho nhà hơn là lo cho nước, làm quan thì mượn cớ tránh xa, đi lính thì đào ngũ lẩn trốn, người dân không biết trọng nghĩa cứu cấp việc công, kẻ sĩ cam bỏ chõ sáng đi vào nơi tối, ví không phải sống thừa ở trên đời thì áo mũ mà làm ngựa trâu, ai nỡ làm thế ? Thưởng cũng hậu mà phạt cũng nặng, triều đình sẽ có điển hình hắn hoi, chờ để sau này phải hối !...

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, Sđd tr. 557 – 558)

Tôn Thất Thuyết qua đánh giá của người cùng thời

a) Nhân dân Việt Nam

... "Nội triều lục bộ chư nha"⁽¹⁾
Một mình quan Tướng với mà vũ ban⁽²⁾
Quân gia binh mã sẵn sàng,
Phen này quyết đánh cho tan Tây thành⁽³⁾
Quân gia lớn nhỏ triều đình,
Xin đi tiền đạo tới thành giao chinh,
Canh hai⁽⁴⁾ cơm gạo sắm sanh,
Hai bên phường phố lặng tanh như tờ,
Canh ba dàn trận binh cơ,
Canh tư lấy giờ phát lệnh giao công".
... "Quan Tướng nghe nói một khi,
Giận thay phiên tặc gan thì xung gan,
Quân gia binh mã sẵn sàng,
Quyết đi phá chiếm kèo Tây bang hại mình".

(1) Triều đình có 6 bộ, gồm có nhiều nha.

(2) Tôn Thất Thuyết lúc đó giữ chức Thượng thư Bộ Binh, nắm giữ quyền chỉ huy quân đội.

(3) Các căn cứ đóng quân của Pháp tại Huế là Trần Bình đài (đồn Mang Cá) ở góc trái Kinh thành Huế và toà Khâm sứ bên hữu ngạn sông Hương.

(4) Vào khoảng gần 10 giờ tối ngày 4-7-1885.

... "Nước ta quan Tướng anh hùng,
 Bách quan văn võ chẳng ai nào tà.
 Người có ngọc vẹt cầm tay,
 Súng bắn suốt ngày chẳng đụng tới thân".
 ... "Quan Tướng nước mắt ròng ròng :
 Tướng là hiệp chiến giao công,
 Khôi phục Trấn Bình, nhà nước thung dung.
 Tôi xin thụ tội cứu trùng⁽¹⁾,
 Xin Ngài cứu nghị tới cùng cho mình.
 Cúi đầu tâu lại triều đình,
 Tôi xin phục mạng nạp mình thánh vương".

(Trích : *Về thất thủ Kinh đô*
NXB Văn-Sử-Địa H., 1959)

b) Người Pháp

"Lòng yêu nước của Tôn Thất Thuyết không chấp nhận một sự thoả hiệp nào, ông ta xem các quan lại chủ hoà như kẻ thù của dân tộc... Tuy nhiên, dù cho sự đánh giá ông của những người cùng thời thiên vị như thế nào, một đạo đức lớn đã bộc lộ rõ rệt trong mọi hoàn cảnh của đời ông : đó là sự gắn bó lạ lùng của ông với Tổ quốc".

(Theo : Mac-xen Gô-chi-ê, *Ông vua bị lưu đày*)

"Rõ ràng là Thuyết không hề bao giờ muốn giao thiệp với chúng ta (chỉ thực dân Pháp), ông biểu lộ lòng căm ghét không cùng đối với chúng ta trong mọi hoàn cảnh. Chúng ta có thể nói rằng ông ta đã căm ghét chúng ta : đó là quyền và có lẽ cũng là bốn phận của ông ta".

(Theo : Bát-tít, *Cuộc nổi dậy và việc chiếm đóng Kinh thành Huế năm 1885*)

Cao Thắng chế súng

"Khen thay Cao Thắng tài to,
 Lấy ngay súng giặc về cho lò rèn
 Đêm ngày tỉ mỉ giờ xem,
 Lại thêm có cả Đội Quyên⁽²⁾ cũng tài.

(1) Cứu trùng là nhà vua (đây là vua Hàm Nghi).

(2) *Đội Quyên* (Lê Quyên) : người làng Nội Diên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Xưởng trong cho chí trại ngoài,
Thợ rèn các tinh đều mời hội công.
Súng ta chế được vừa xong,
Đem ra mà bắn nức lòng lắm thay.
Bắn cho tiệt giống quân Tây,
Cậy nhiều súng ống phen này hết khoe".

(Trích : *Vè Quan Định*⁽¹⁾)

Phan Đình Phùng trả lời dụ hàng của Hoàng Cao Khải⁽²⁾

... Năm Ất Dậu⁽³⁾, xe giá thiên tử⁽⁴⁾ ngự giá đến sơn phòng Hà Tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn có tang mẹ, chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọng đạo, trong lòng há dám tơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế thần, cho nên đôi ba phen đức Hoàng thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào từ chối, thành ra tôi phải gắng gõ đứng ra vâng chiếu không thể đừng được. Gần đây Hoàng thượng lại đoái tưởng, lựa chọn tôi mà giao phó cho việc lớn, uỷ thác cho quyền to ; ấy mệnh vua uỷ thác như thế, nếu cố nhân⁽⁵⁾ đặt mình vào cảnh như tôi, liệu chừng cố nhân có đành chối từ trốn tránh được hay không ?

Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải qua mươi năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc bị trách phạt, hoặc đã bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán nản ngã lòng bao giờ ; trái lại họ vẫn ra tài ra sức giúp đỡ tôi, và lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai vạ hiểm nguy làm sự sung sướng thèm thuồng mà bỏ nhà dấn thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hăm hở vậy đó. Ấy lòng người như thế, nếu như cố nhân đặt mình vào cảnh tôi liệu chừng cố nhân có nỡ lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không ?

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chóng xâm lăng*, Sđd, tr. 679 – 680)

(1) *Quan Định* : tức Phan Đình Phùng, ông từng thi đỗ Đinh nguyên.

(2) Tháng 5-1894, Hoàng Cao Khải theo lệnh quan thầy Pháp viết thư cho người chuyển tới Phan Đình Phùng dụ ông ra hàng. Cụ Phan đã trả lời bức thư đó, đậm lại những lí lẽ Hoàng Cao Khải, khẳng định quyết tâm chiến đấu tới cùng.

(3) Năm 1885.

(4) Chỉ vua Hàm Nghi.

(5) Bạn cũ, chỉ Hoàng Cao Khải.

Về cái chết của Đề Thám

(Theo bản dịch (từ tiếng Pháp) bản khẩu cung của thủ phạm chính tên là Tsan-tac-ki).

"Vào cuối tháng 12-1912, tôi⁽¹⁾ cùng với hai người là Li-song-wa (tức Li-ban-cha) và Tsan-fong-san đã nhận được qua người trung gian⁽²⁾ chỉ thị của các nhà cầm quyền Pháp là phải tìm cách vào ở cạnh hoặc gần sát với Đề Thám để bắt liên lạc với ông ta, rồi lợi dụng một cơ hội thuận lợi để bắt ngời bắt sống, mang nộp tại đồn Pháp gần nhất tuỳ theo nơi bắt cóc, có thể là Nhã Nam hay Kép. Cố nhiên là chúng tôi có thể dùng vũ khí để tự vệ trong trường hợp nguy hiểm.

Chúng tôi đã đặt được quan hệ với Đề Thám ngay từ những ngày đầu tháng Giêng bằng cách khai với ông ta rằng chúng tôi là người của Lương Tam Kì đã đào ngũ và mang nộp cho ông ta vài cây súng cũ mà chúng tôi kiếm được, và hứa đứng làm môi giới để cung cấp cho ông ta vũ khí, súng đạn. Ông ta sốt sắng đón tiếp chúng tôi, vì chúng tôi khai đã học được cách làm bom bên Trung Quốc ; theo ông ta thì nếu người An Nam ở xứ Bắc Kì biết rằng ông ta có nguồn cung cấp bom thì ông có thể liều phát động một cuộc nổi dậy của dân chúng Bắc Kì để tàn sát người Pháp.

Sống bên cạnh Đề Thám, hằng ngày chúng tôi theo dõi để chớp lấy thời cơ thuận lợi bắt trói ông ta. Nhưng ông ta đa nghi, luôn cảnh giác và có vũ khí, lại có sự bảo vệ thường trực của hai người đầy tớ An Nam mang súng nạp sẵn đạn. Chúng tôi đã phải kéo dài thời gian lưu trú trong sào huyệt của ông ta gần ba tuần lễ.

Đến ngày 9-2, cả ba chúng tôi đều nghe Đề Thám nói với hai đầy tớ : "Cần phải hạ ba cây lớn vướng mắt chúng ta, trước tiên là cây to nhất". Biết ông ta rất đa nghi, chúng tôi hiểu rằng ông ta đã ra lệnh giết gấp chúng tôi, nên chúng tôi quyết định phải hành động ngay, vì không thể bỏ trốn được.

(1) Đây là lời của Tsan-tac-ki. Vẫn theo lời khai : Hắn 51 tuổi, con ông Tsan-tchon-hing và bà Li-a-kam, làm nghề buôn bán. Hắn sinh ở Quảng Châu, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) trú quán ở Chợ Chu (tỉnh Thái Nguyên).

(2) Người trung gian ở đây là Lương Tam Kì. Lúc này, Lương Tam Kì đã đầu hàng Pháp và được Pháp cấp cho ruộng đất ở vùng Chợ Chu.

Rạng sáng 10-2, lợi dụng lúc hai tên đầy tớ vẫn cầm súng trong tay nhưng lại nằm ngủ thiếp đi ở hai bên căn lều của Đề Thám, ba chúng tôi lén vào trong lều và thấy Đề Thám đang ngủ say. Khi tôi bước lại gần thì ông ta tỉnh giấc, đưa bàn tay phải dụi hai mắt, và vì tôi tiến sát lại nên ông ta đấm cho tôi một quả, rồi vẫn nằm ngửa trên giường, ông dùng chân đá mạnh vào phía phải tôi và đưa tay lấy một trong ba cây súng đặt trên tấm phản ở cạnh.

Vào lúc đó, tôi đấm cho ông ta hai quả, một vào hông trái, một vào hông phải làm cho ông ta bất tỉnh, rồi cầm lấy một trong hai chiếc cuốc⁽¹⁾ cũng đặt bên cạnh Đề Thám, tôi dùng cuốc đánh mạnh cú đầu tiên vào hông trái. Ông ta không kêu lên được nhưng cố ngồi dậy vớ lấy một khẩu súng. Đúng lúc ấy, tôi lại đánh cú thứ hai gần mắt trái và giết chết ông ta.

Trong thời gian đó, hai người đi cùng với tôi có nhiệm vụ cản hai tên đầy tớ của Đề Thám cũng đã bước vào trong lều và đứng cảnh giới khi tôi tiến lại gần tìm cách trói ông ta. Do tiếng động của cuộc xung đột, hai tên đầy tớ của Đề Thám tỉnh giấc, tìm cách đột nhập vào trong lều và giơ súng ngắm bắn hai người đi với tôi. Ngay lúc đó, hai người này, mỗi người được vũ trang một khẩu súng lục, đã bắn vào chúng và hạ sát chúng.

Sau cái chết của Đề Thám và hai tên đầy tớ, bị ngăn trở không thể mang xác chúng về đồn binh gần nhất là Nhã Nam – vì độ đường vẫn còn quá xa – chúng tôi đã cắt thủ cấp của chúng và mang tới nộp cho viên đồn trưởng "Co" (Nhã Nam)⁽²⁾...

(Theo : Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại – Những sự kiện mới*, Tập I, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1995)

(1) Theo lời khai của các bị cáo thì Đề Thám có bên cạnh ba khẩu súng nạp đạn sẵn và hai chiếc cuốc để đào hầm.

(2) Không rõ đồn "Co" có phải đồn Trại Cờ không ?